

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 15-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Anh

Ông Đỗ Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 254/2023/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

TRẦN TẤN M, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Thuận.

HKTT và nơi cư trú: khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần D, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị Â (đã chết); anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 132/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt 16/01/2021, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 13/12/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 226/2022/HSST.

- Ngày 15/6/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 110/2023/HSST.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc - Bộ Công an theo Bản án số 110/2023/HSST của Tòa án nhân dân thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Ông **Lê Đình C**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 4, phường A, thị xã A, tỉnh G (đã chết).

Người làm chứng:

- Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- Ông **Phạm Duy T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- Bà **Vũ Thị Ngọc T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 35 phút ngày 27/12/2021, Trần Tấn M đang đi bộ trong vực thuộc thôn T, xã T, thành phố P thì thấy có 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu đen bạc, biển số 60B3-193.31 của anh Lê Đình C đang để ngoài đường, không có người trông coi nên M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. M đi đến đất bộ chiếc xe trên đi ra bờ biển thuộc thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cất giấu trong bụi cây. Sau đó, M đi đến tiệm ve chai mua 01 bình xịt sơn đen và 01 biển số xe 66L2-5531 mục đích thay đổi hiện trạng xe để tránh bị phát hiện. M quay lại chỗ cất giấu chiếc xe, dùng bình xịt sơn đen xịt hết phần màu bạc của xe và tháo biển số 60B3-193.31 thay bằng biển số 66L2-5531. Sau đó, M dắt xe ra khỏi bụi cây để mang đi tiêu thụ, vừa lúc này M bị ông Nguyễn Minh D phát hiện, báo Công an xã T đưa M cùng tang vật về trụ sở để làm việc. Tại đây, M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Sau khi phát hiện bị mất xe anh Lê Đình C đã đến Công an xã T trình báo sự việc.

Vật chứng của vụ án: thu giữ từ Trần Tấn M:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen mang biển số 66L2-5531, số máy: HC12E2689835, số khung: 1207AY189794.

- 01 biển số 60B3-193.31 (đã bị tháo rời).

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Vũ Thị Ngọc T, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe hai bánh, màu đen bạc, dung tích 97, biển số 60B3-193.31, số máy: HC12E2689835, số khung: 1207AY189794, do Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/6/2013.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 123A/KL-HĐĐG ngày 26/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển số 60B3-193.31, số máy: HC12E2689835, số khung: 1207AY189794, trị giá 3.600.000 đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Anh C khai: chiếc xe mô tô biển số 60B3-193.31 anh C mượn của anh Phạm Duy T để làm phương tiện đi làm. Ngày 21/12/2021, anh Chiến dựng xe ở gần khu vực gần nhà hàng A, thuộc thôn Tiên H, xã T, thành phố P để vào công trình xây dựng làm việc thì bị mất trộm.

Anh Phạm Duy T trình bày: chiếc xe mô tô biển số 60B3-193.31 chủ sở hữu là bà Vũ Thị Ngọc T (là mẹ ruột của T). Vào năm 2020, bà T đã giao lại chiếc xe trên cho anh T sử dụng. Do thấy C không có phương tiện đi làm nên anh T đã cho C mượn chiếc xe trên và bị mất vào ngày 27/12/2021.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B3-193.31, 01 biển số 60B3-193.31 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Vũ Thị Ngọc T, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 253/CT-VKSPT ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Trần Tấn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Tấn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt tại Bản án số 110/2023/HSST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận để chấp hành hình phạt chung.

Về biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B3-193.31, 01 biển số 60B3-193.31 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Vũ Thị Ngọc T, bà Tuyết đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

Bị cáo Trần Tấn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa. Bị cáo nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này có người bị hại Lê Đình C đã chết (theo trích lục khai tử số 70/TLKT-BS ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh G). Xét thấy người bị hại đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của bị hại trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo:

Vào khoảng 10 giờ 35 phút ngày 27/12/2021, tại thôn T, xã T, thành phố P, Trần Tấn M đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu đen bạc, biển số 60B3-193.31, trị giá 3.600.000 (ba triệu sáu trăm ngàn) đồng của anh Lê Đình C thì bị ông Nguyễn Minh D phát hiện trình báo Công an xã T đưa M cùng tang vật về trụ sở Công an để làm việc.

Bị cáo Trần Tấn M là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, lợi dụng sơ hở của người bị hại Chiếm trong việc quản lý tài sản, cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhằm cải tạo, răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trần Tấn M đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B3-193.31, 01 biển số 60B3-193.31 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Vũ Thị

Ngọc T, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Riêng biển số xe 66L2-5531 hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Tấn M** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Trần Tấn M **09** tháng (chín tháng) tù.

Tổng hợp với hình phạt **21** (hai mươi một) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2023/HSST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả hai bản án là **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt theo lệnh truy nã 19/9/2022.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Trần Tấn M phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND TP Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an TP Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c cư trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ